

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty ngày 05/6/2019;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc tổng kết hoạt động SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019 với các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Kết quả SXKD trong năm 2018:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
1	Than mua vào	Tấn	3.065.000	3.667.586	119,66
	Than mua của TKV	"		3.609.747	
	Than nhập khẩu	"		28.503	
	Than mua đvị khác	"		29.336	
2	Than bán ra	"	3.065.000	3.487.637	113,79
	Than tự doanh	"		2.106.285	
	Nội bộ các đơn vị trong TKV	"		3.210	
	Chế biến, tuyển rửa, pha trộn bán lại cho TKV	"		1.378.142	
3	Doanh thu	Tr.đồng	4.959.000	5.712.483	115,19
	Doanh thu than	Tr.đồng	4.886.785	5.583.735	114,26
	Phí dịch vụ tiêu thụ than	Tr.đồng	7.200	13.586	188,69
	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	Tr.đồng	10.000	60.550	605,50
	Doanh thu kinh doanh khác	Tr.đồng	55.000	55.568	101,03
	Các khoản giảm trừ doanh thu			956	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
4	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	"	4.701.000	5.361.165	114,04
5	GTSX (Lãi gộp)	"	258.000	351.318	136,17
6	GTSX tính lương(Trừ thuê ngoài)	"	174.135	199.148	114,36
7	Thu nhập, Chi phí tài chính	"			
7.1	Thu nhập tài chính	"		54.911	
	Thu Tài chính	"		98	
	Thu chiết khấu	"		54.813	
7.2	Chi phí tài chính	"		49.847	
	<i>Trong đó: Lãi tiền vay ngắn hạn.</i>	"		18.600	
	<i>Chiết khấu thanh toán cho khách hàng</i>			30.636	
	<i>Lãi chậm trả tiền than cho TKV</i>	"		611	
7.3	Lãi (Lỗ) từ hoạt động tài chính	"		5.064	
8	Thu nhập, chi phí khác	"			
8.1	Thu nhập khác	"		1.071	
	<i>Tiền phạt thu được</i>	"			
	<i>Các khoản khác</i>	"		1.071	
8.2	Chi phí khác	"		715	
	<i>GT còn lại của TSCĐ và CP TLý, nhượng bán TSCĐ</i>	"		131	
	<i>Các khoản khác</i>	"		584	
8.3	Lãi (Lỗ) từ hoạt động tài chính	"		356	
9	Chi phí SXKD	"	246.585	334.760	135,76
9.1	Chi phí Trung gian	"	147.205	223.347	151,73
	<i>Trong đó: CPhí V/C, BX bán hàng thuê ngoài</i>	"		152.170	
9.2	Giá trị gia tăng (GDP)	"	99.380	111.413	112,11
	Khấu hao tài sản	"	15.000	11.014	73,43
	Quỹ tiền lương HT vào giá thành	Tr.đồng	71.974	82.050	114,00
	+ <i>Quỹ lương người lao động</i>	Tr.đồng	70.814	80.310	113,4
	+ <i>Quỹ lương viên chức quản lý</i>	Tr.đồng	1.160	1.740	150,0
	Thù lao HĐQT, BKS	Tr.đồng	Theo CĐộ NN	470	
	Bảo hiểm XH, BHYT, TN, KPCĐ	Tr.đồng	7.406	8.852	119,52
	Chế độ ăn ca	Tr.đồng	Theo CĐộ NN	4.029	
	Thuế (trong giá thành)	"	5.000	4.998	99,96
10	Lợi nhuận	"			
	Lợi nhuận trước thuế	"	11.600	21.978	189,47
	Các khoản chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN			19.536	
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	"		8.633	
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	"		13.345	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
11	Nộp ngân sách	"	Theo CDộ NN	28.210	
12	Đơn giá tiền lương	Đ/1000đGTSX	407	404	
13	Lao động bình quân	Người	790	784	99,24
	Trong đó: lao động	Người	784	778	99,23
	VCQL	Người	6	6	100,00
14	Thu nhập bình quân	đ/ng/tháng			
	Tiền lương BQ toàn DN	đ/ng/tháng	7.592.000	8.721.301	114,87
	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/tháng	7.508.000	8.622.536	114,84
	Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/tháng		24.167.000	
15	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	161.256	174.916	1,08
16	Vốn vay ngắn hạn	Tr.đồng	441.000	270.047	
17	Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH	Lần	3,0	3,65	
18	Hệ số lợi nhuận kế hoạch/ Vốn chủ sở hữu	%	7,19	13,6	171,9
19	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	12.634	11.503	91,04
20	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VDL	7,00	7,00	100,00

1.2. Kế hoạch SXKD năm 2019:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự kiến kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	Than mua vào	Tấn	5.700.000	
	Than mua của TKV	"	4.220.000	
	Than nhập khẩu	"	1.480.000	
2	Than bán ra	"	4.967.000	
	Than tự doanh	"	2.000.000	
	Chế biến, tuyển rửa, pha trộn bán lại TKV	"	2.967.000	
3	Doanh thu	Tr.đồng	6.480.000	
	Doanh thu than	Tr.đồng	6.378.000	
	Phí dịch vụ tiêu thụ than	Tr.đồng	7.000	
	Doanh thu dịch vụ lớn	Tr.đồng	40.000	
	Doanh thu kinh doanh khác	Tr.đồng	55.000	
4	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	"	6.102.383	
5	GTSX (Lãi gộp)	"	377.617	
6	GTSX tính lương (Trừ thuê ngoài)	"	197.242	
7	Chi phí SXKD	"	357.162	
7.1	Chi phí Trung gian	"	249.790	
	Trong đó: CP VC, BX bán hàng thuê ngoài	"	180.375	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP)	"	107.372	
	Khấu hao tài sản	"	12.705	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự kiến kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	Quỹ tiền lương HT vào giá thành	Tr.đồng	81.067	
	+ <i>Quỹ lương người lao động</i>	<i>Tr.đồng</i>	78.686	
	+ <i>Quỹ lương viên chức quản lý</i>	<i>Tr.đồng</i>	2.381	
	Thù lao HĐQT, BKS	Tr.đồng		Theo chế độ N.nước
	Bảo hiểm XH, BHYT, TN, KPCĐ	Tr.đồng	9.300	
	Chế độ ăn ca	Tr.đồng		Theo chế độ N.nước
	Thuế (trong giá thành)	"	4.300	
8	Lợi nhuận	"		
	Lợi nhuận trước thuế	"	20.455	
	Các khoản CP loại trừ khi tính thuế TNDN			
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	"	4.091	
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	"	16.364	
9	Nộp ngân sách	"		Theo chế độ N.nước
10	Đóng góp vào chi phí tập trung TKV			
	Chi phí ĐT, Quỹ Chăm sóc sức khỏe, PHCN/GTSX Chế biến than	%	0,2	
	Chi phí cấp cứu mỏ của Tập đoàn/ GTSX Chế biến than	%	0,1	
	Chi phí thăm dò than – KS của Tập đoàn/ GTSX Chế biến than	%	1,5	
	Chi phí môi trường than – KS của TKV/ GTSX Chế biến than	%	1,0	
11	Đơn giá tiền lương	Đ/1000đGTSX	399	
12	Lao động bình quân	Người	755	
	Trong đó: Người lao động	Người	749	
	Viên chức quản lý	Người	6	
13	Thu nhập bình quân	đ/ng/tháng		
	Tiền lương BQ toàn DN	đ/ng/tháng	8.948.000	
	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/tháng	8.755.000	
	Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/tháng	33.063.000	
14	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	163.253	
15	Vốn vay ngắn hạn	Tr.đồng	376.000	
16	Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH	Lần	3,0	
17	Hệ số lợi nhuận KH/ Vốn chủ sở hữu	%	20,5	
18	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	33.051	
19	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL	7,00	

Trong đó:

- Kế hoạch Đầu tư xây dựng chi tiết theo Thông báo số 6828/TKV-ĐT ngày 26/12/2018 của Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam.
- Giá trị sản xuất (GTSX) tính lương là GTSX không bao gồm GTSX vận chuyển, bốc xếp thuê ngoài.
- Vốn vay ngắn hạn, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu kế hoạch năm 2019 là phân tính cho than tự doanh, tương ứng với mức tồn kho than tự doanh là 200.000 tấn.
- Doanh thu khác kế hoạch năm 2019 bao gồm: Các sản phẩm ngoài than, bán buôn kim loại và quặng kim loại, vật liệu xây dựng...(các ngành nghề theo Điều lệ Công ty)

Điều 2: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2018; Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018.

2.1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2018 với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng tài sản : 813.130.503.064 đồng
- Tổng nguồn vốn : 813.130.503.064 đồng

trong đó:

- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 100.000.000.000 đồng (Vốn điều lệ)
- + Vốn khác của Chủ sở hữu : 60.089.131.309 đồng.

2.2. Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018, cụ thể:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 còn lại chưa phân phối	314.230.732
2	Lợi nhuận trước thuế (lợi nhuận kế toán)	21.978.046.031
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	8.632.829.446
4	Lợi nhuận còn lại sau thuế TNDN	13.345.216.585
5	Tổng lợi nhuận còn lại sau thuế TNDN	13.659.447.317
6	Trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (7% vốn điều lệ)	7.000.000.000
7	Phần lợi nhuận còn lại phân phối tiếp	6.659.447.317
6	Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%)	1.997.834.195
7	Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý (Bằng 1,5 lần tháng lương viên chức quản lý chuyên trách năm 2018)	217.500.000
8	Phần lợi nhuận còn lại phân phối tiếp vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	4.444.113.122
9	- Trích Quỹ khen thưởng (30%) - Quỹ phúc lợi (70%)	1.333.233.937 3.110.879.185

Điều 3: Thông qua Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018; Phương án tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019.

3.1. Thông qua Thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018 ngày 24/4/2018, mức thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty hàng tháng được tính bằng 20% mức lương cơ bản đối với người quản lý hoạt động kiêm nhiệm.

Tiền thù lao cho HĐQT, ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2018:

Stt	Chức danh	Mức lương cơ bản	Mức thù lao hàng tháng (20% lương cơ bản)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	24.700.000 đồng	5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	21.900.000 đồng	4.380.000 đồng
3	Trưởng Ban Kiểm soát		Hưởng lương chuyên trách
4	Ủy viên BKS (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng
5	Thư ký Công ty (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng

Tổng số tiền thù lao được hưởng của năm 2018 là: 391.920.000 đồng.

3.2. Thông qua Phương án tiền thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019:

- Mức thù lao:

Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2019 được tính như năm 2018, cụ thể như sau:

Stt	Chức danh	Mức lương cơ bản	Mức thù lao hàng tháng (20% lương cơ bản)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	24.700.000 đồng	5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	21.900.000 đồng	4.380.000 đồng
3	Trưởng Ban Kiểm soát		Hưởng lương chuyên trách
4	Ủy viên BKS (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng
5	Thư ký Công ty (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng

- Phương thức chi trả: Căn cứ Văn bản số 1402/TKV-TCNS ngày 03/04/2017 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn bổ sung một số nội dung về quản lý lao động và tiền lương của TKV, hàng tháng các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty được tạm ứng 80% mức tiền thù lao tháng, số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Điều 4: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018; Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Đại hội đánh giá nội dung Báo cáo là đúng, sát thực và chỉ ra những vấn đề trọng tâm, một số tồn tại sau khi kiểm toán của Công ty cần được chỉnh sửa cho phù hợp.

Đại hội nhất trí thông qua nội dung Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018; Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Điều 5: Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để uỷ quyền cho HĐQT lựa chọn kiểm toán Công ty năm 2019.

Đại hội đồng thống nhất uỷ quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong những

Công ty kiểm toán sau trong danh sách mà Tập đoàn CN than – khoáng sản Việt Nam đã đề nghị tại văn bản số 6280/TKV-KSNB-KT ngày 22/12/2015 để thực hiện kiểm toán cho Công ty năm 2019:

1. Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Điều 6: Thông qua việc bầu cử thay thế thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022)

Đại hội nhất trí thông qua:

- Chấp thuận đề ông Đoàn Hữu Thung thôi làm Người đại diện của TKV tham gia HĐQT Công ty và từ nhiệm Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty đề nghị hưu theo quyết định kể từ ngày 01/6/2018.

- Chấp thuận kết quả bầu ông Ngô Quang Trung – Phó Trưởng ban KDT của TKV, Người đại diện của TKV tham gia HĐQT Công ty (2017-2022) và giữ chức vụ Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/6/2018.

Điều 7: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2018.

Đại hội đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2018 là tốt. HĐQT đã quản lý, điều hành Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước, của TKV và Điều lệ Công ty. HĐQT đã nhận định đúng những khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đã có những quyết sách kịp thời và linh hoạt, huy động được các nguồn lực, phát huy thế mạnh, động viên toàn thể CBCNVCLĐ, sáng tạo các biện pháp ổn định thị trường nên đã đưa Công ty hoạt động ổn định, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018.

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2018.

Điều 8: Thông qua Phương án tăng Vốn điều lệ của Công ty

Đại hội nhất trí thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 9: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty

Đại hội nhất trí thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và ủy quyền cho HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 4 “Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty” của Điều lệ Công ty đồng thời thực hiện các thủ tục liên quan đến việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động thay đổi kế hoạch SXKD năm 2019 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được chủ động thay đổi kế hoạch SXKD năm 2019 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù

hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Điều 11: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được ký kết hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam (hoặc những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp) với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

Điều 12: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin năm 2019 biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

- Các cổ đông, thành viên HĐQT Công ty, thành viên Ban kiểm soát Công ty, các phòng ban và đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN, VSD,
- TKV,
- Các cổ đông,
- Các thành viên HĐQT, BKS,
- Các phòng TMB,
- Các đơn vị trực thuộc,
- Văn phòng (Đăng trên website),
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Lê Quang Bình

